

Số/ No: 28613.2509/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.10896 2509

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.27191 2509

Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

- Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
- Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CỬ BỊ
- Địa chỉ/ Address : Thôn Chòi Đồng, Xã Châu Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 09/09/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 18/09/2025
- Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn
- Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản : SOP.02-060
mẫu/ Sampling and preservation methods
- Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Hộ dân Nguyễn Trí Nhân, Thôn Chòi Đồng, Xã Châu Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh
Ký hiệu NTN6

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCĐP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A,E:2023 SMEWW 3113 B:2023	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
4.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,44	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
5.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,21	-	trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý
Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/
Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 11

Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh

Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An lac Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986

Email: ktclviettin@gmail.com

Fax: (028) 3824 7013

Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074

VIMCERTS 211

Số/ No: 28613.2509/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.10896 2509

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.27191 2509

Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCĐP 01: 2022/BR-VT
7.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
8.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCĐP 01:2022/BR-VT

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng



**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 11

Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: kctlviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 28612.2509/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.10896 2509
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.27190 2509
Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

- Đơn vị yêu cầu/ Customer : **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
- Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : **NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CÙ BỊ**
- Địa chỉ/ Address : **Thôn Chòi Đồng, Xã Châu Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : **09/09/2025**
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : **18/09/2025**
- Người lấy mẫu/ Sampling staff : **Huỳnh Ngọc Tuấn**
- Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch**
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : **SOP.02-060**
- Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : **Cửa hàng điện nước Minh Sang, Thôn Chòi Đồng, Xã Châu Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh
Ký hiệu NTN5**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A,E:2023 SMEWW 3113 B:2023	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
4.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,65	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
5.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,27	-	trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 11
Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 28612.2509/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.10896 2509

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.27190 2509

Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
7.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
8.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng
**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm


Số/ No: 28611.2509/KQ-VTT
 Mã số/ Code: KH.10896 2509
 Mã số mẫu/ Sample code: PTN.27189 2509
 Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

- Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
- Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CÙ BỊ
- Địa chỉ/ Address : Thôn Chòi Đồng, Xã Châu Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 09/09/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 18/09/2025
- Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn
- Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản : SOP.02-060
mẫu/ Sampling and preservation methods
- Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Nhà máy cấp nước Cù Bị
Ký hiệu NTN4

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCĐP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A,E:2023 SMEWW 3113 B:2023	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
4.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,66	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
5.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,23	-	trong khoảng 6,0-8,5
6.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro – Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
 Version: 11
 Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
 MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 28611.2509/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.10896 2509
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.27189 2509
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
7.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
8.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 11
Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE